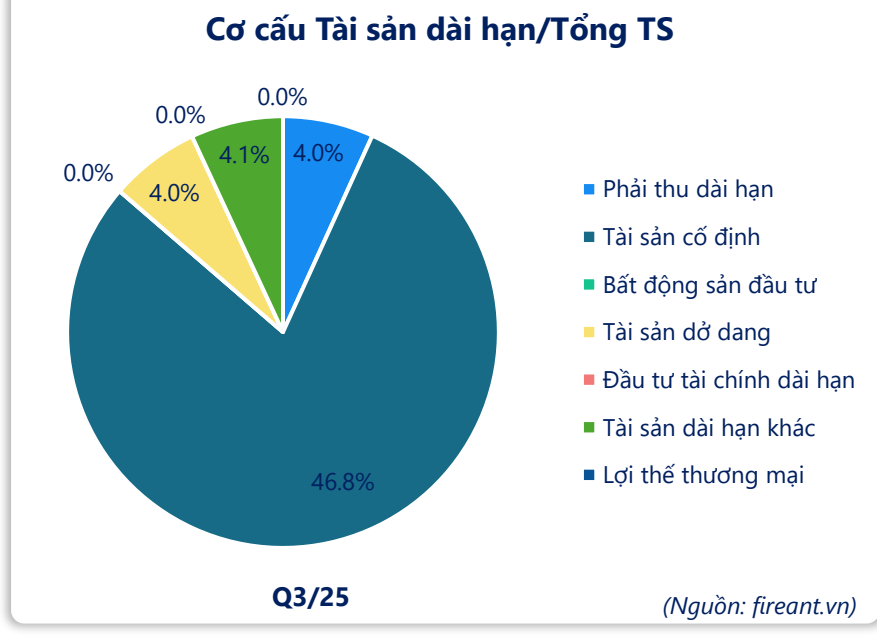
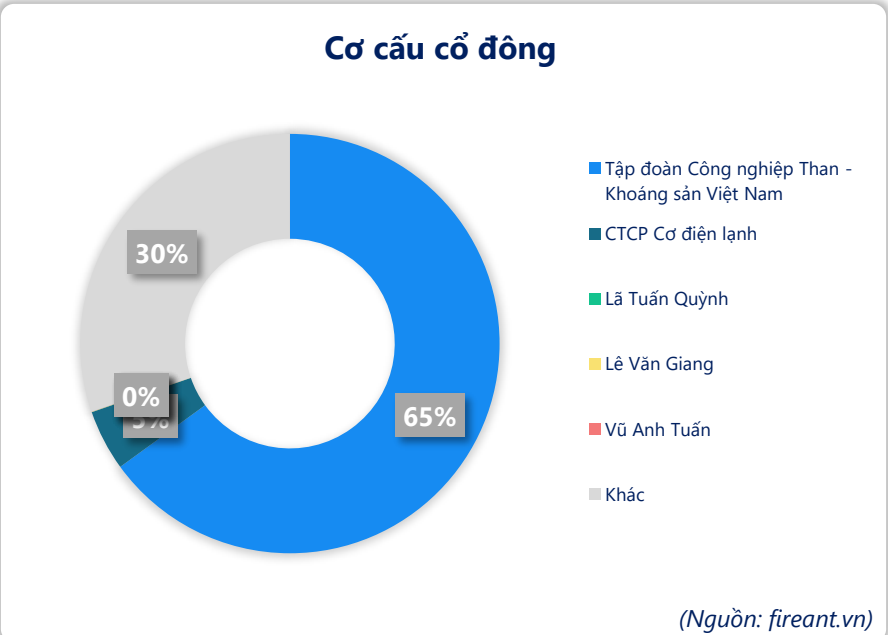
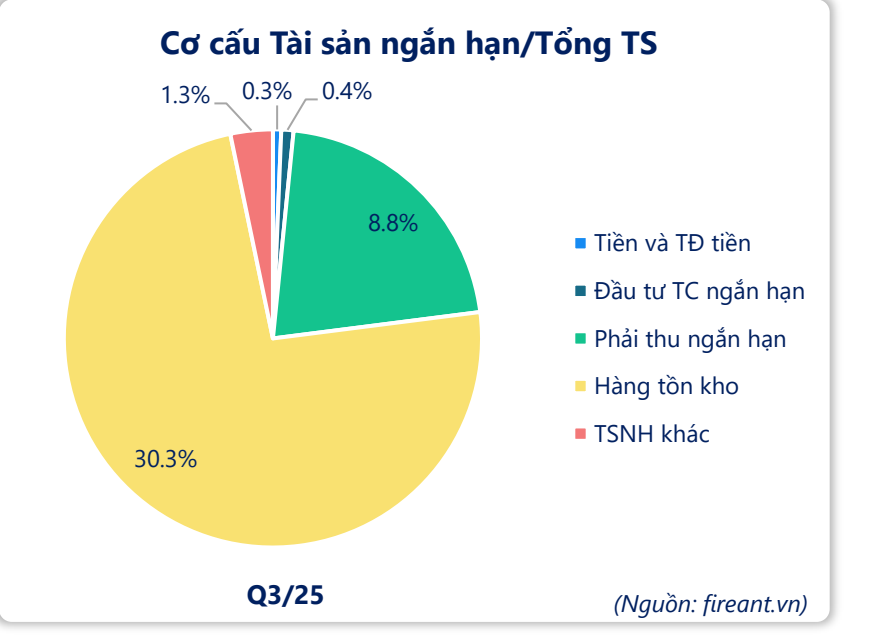
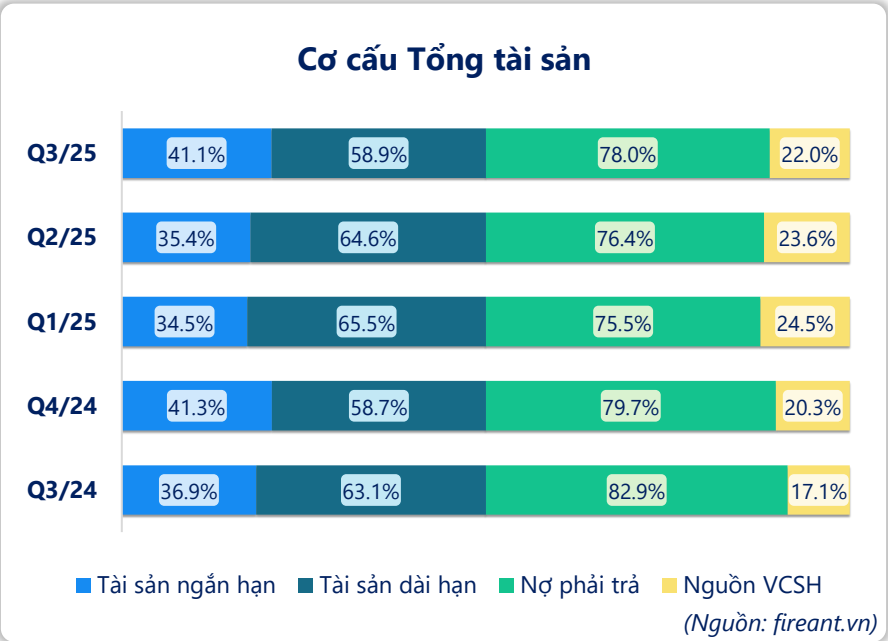
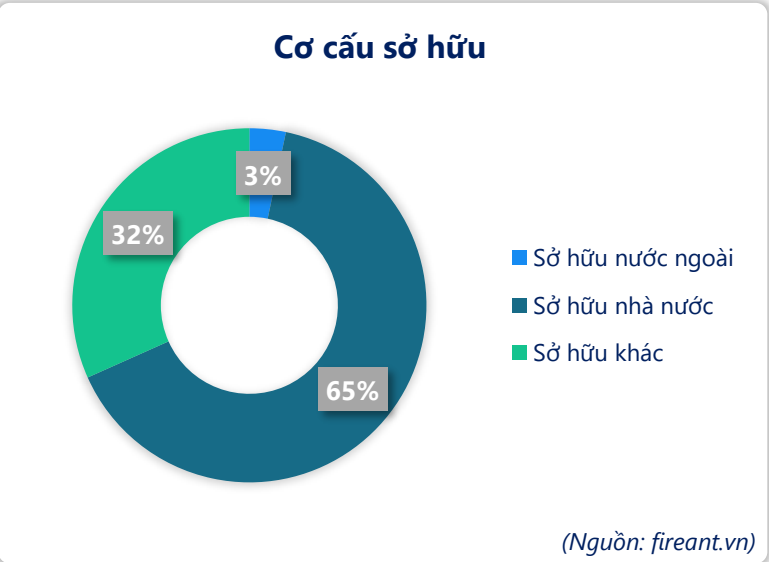
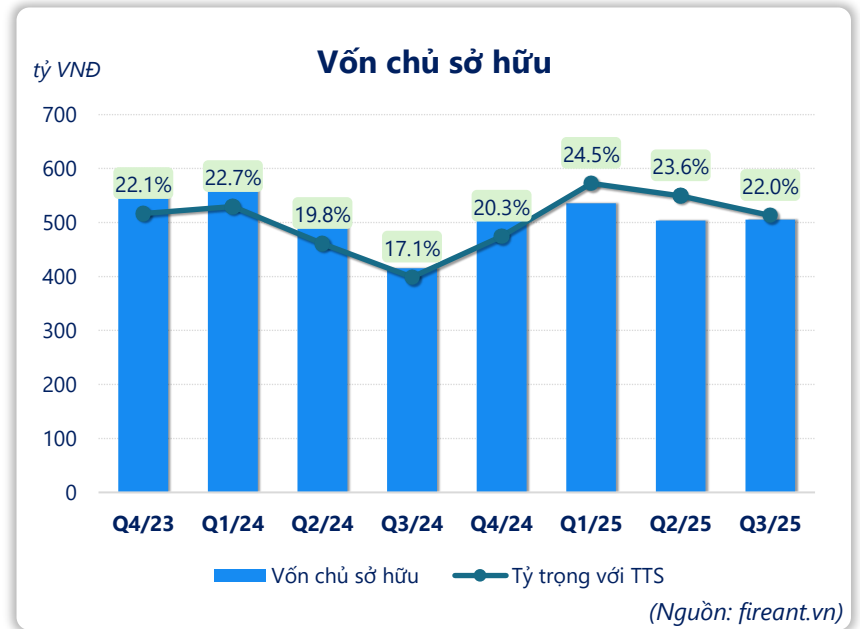
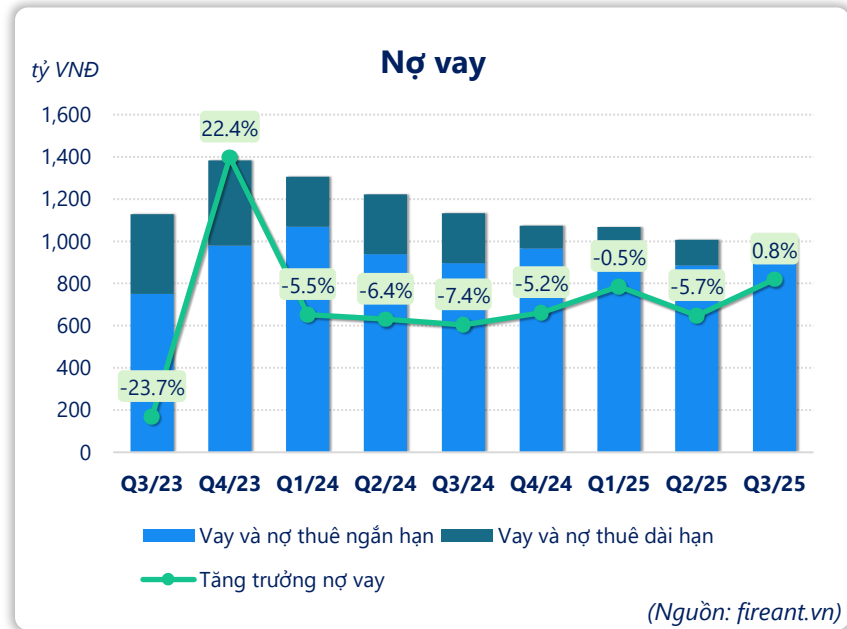
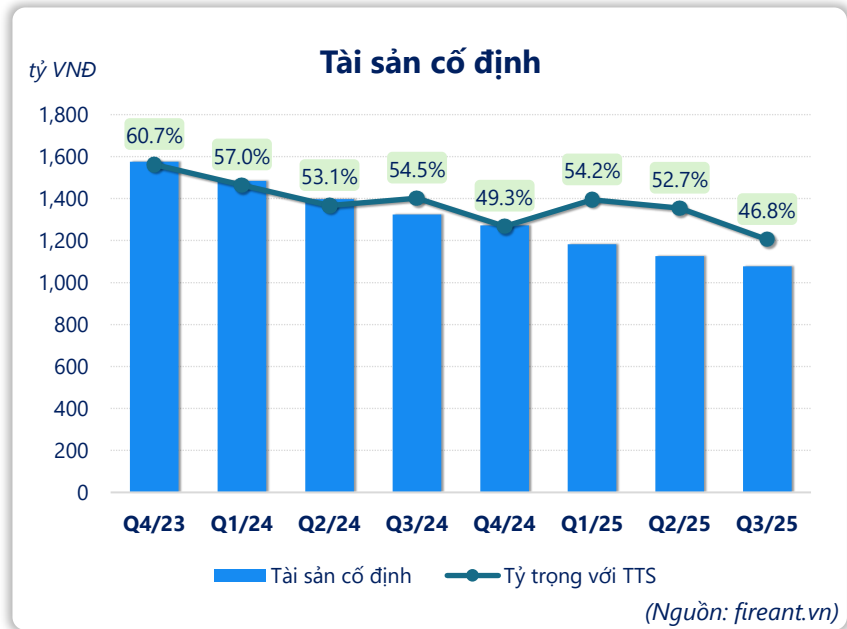
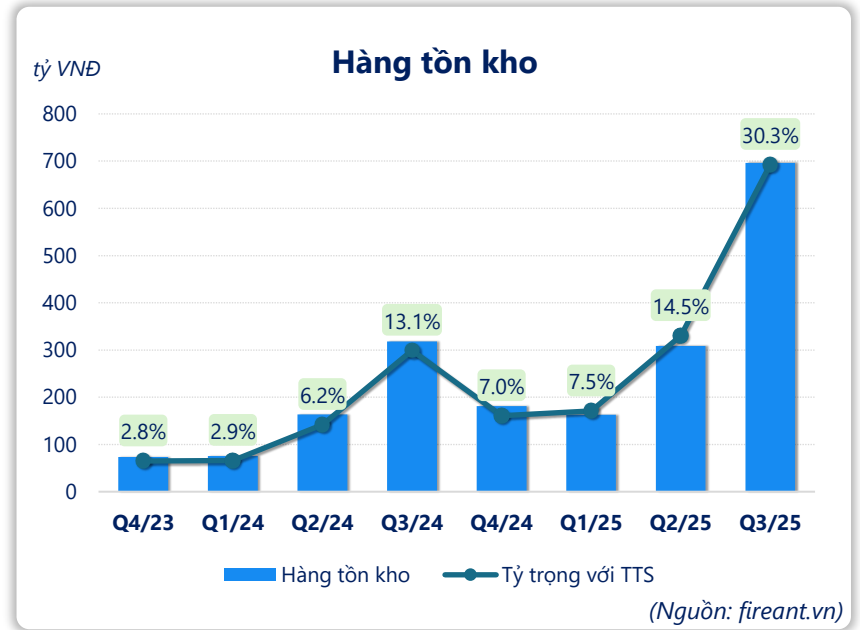
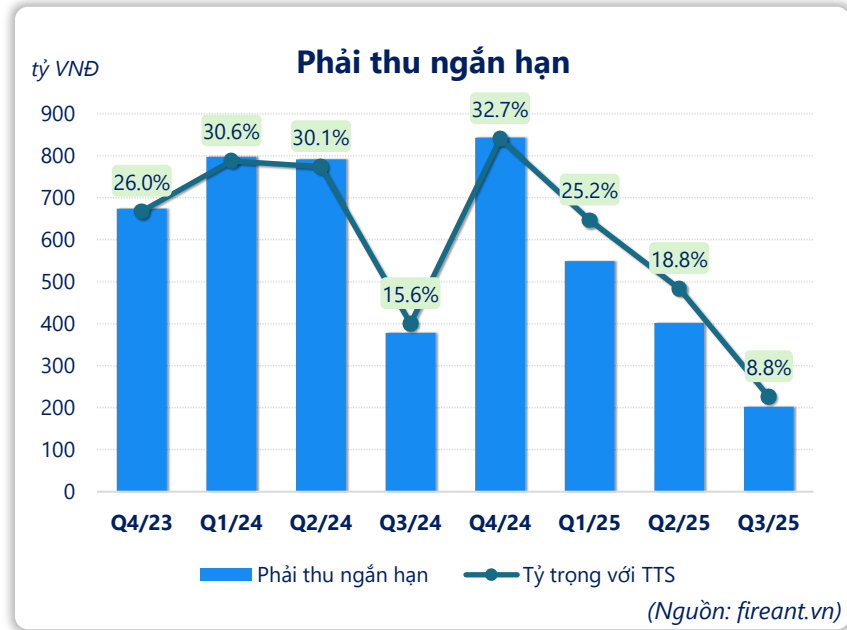
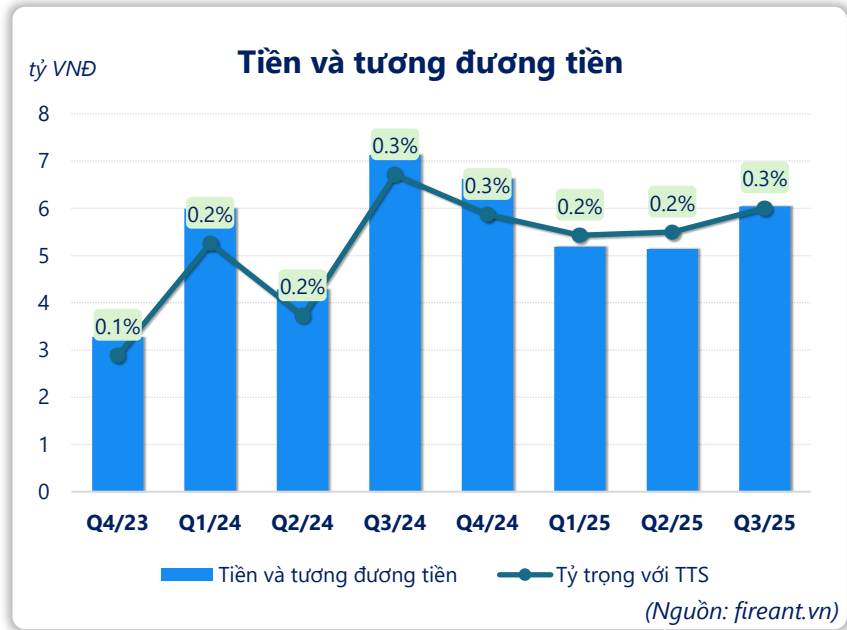
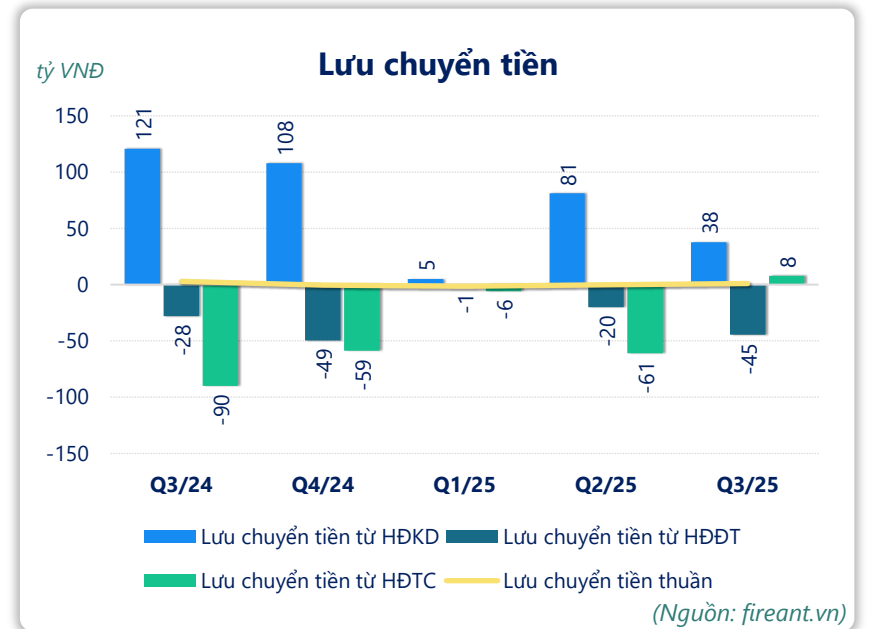
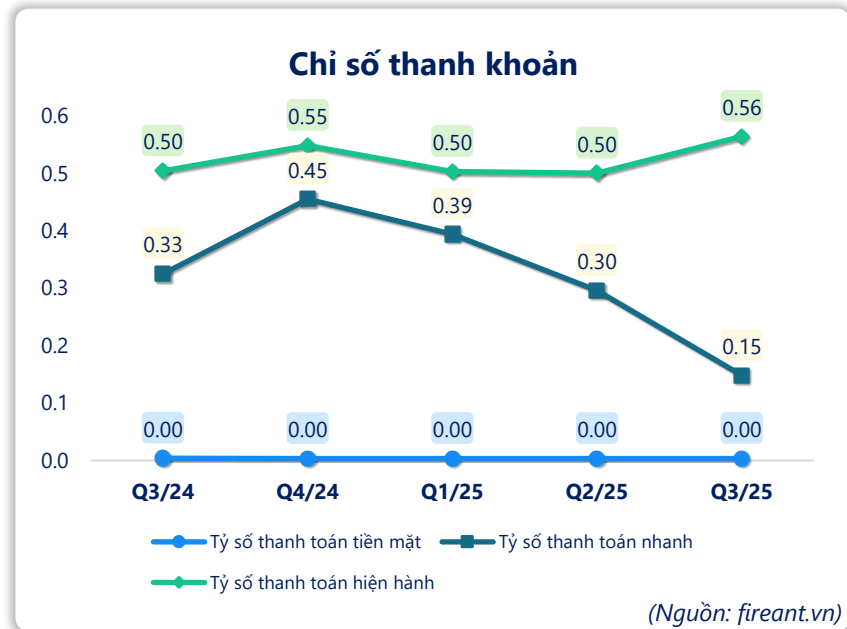
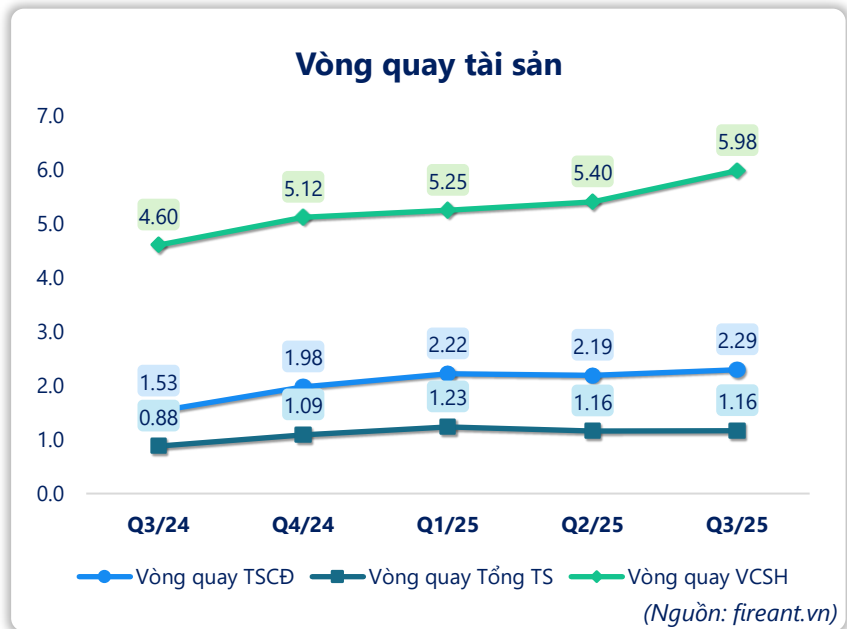
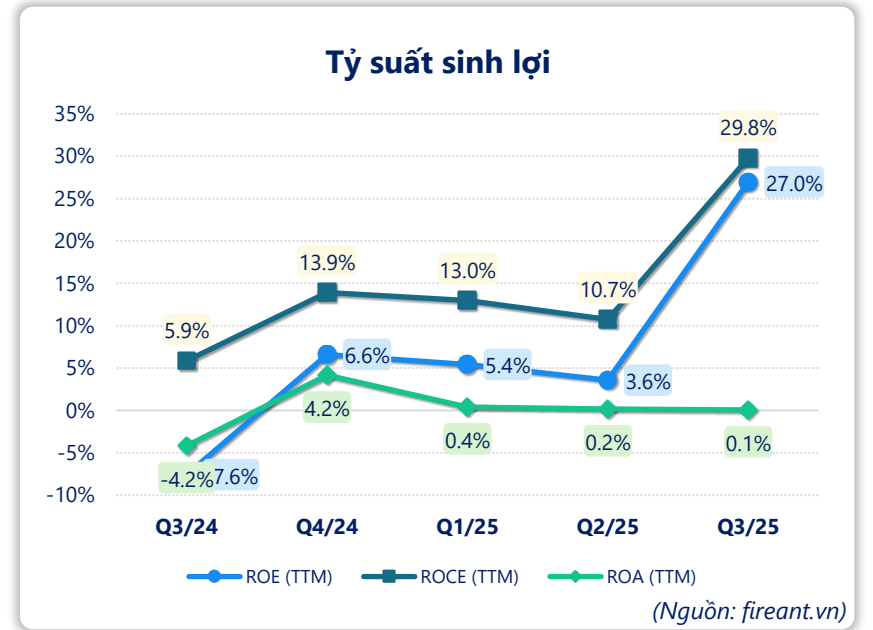
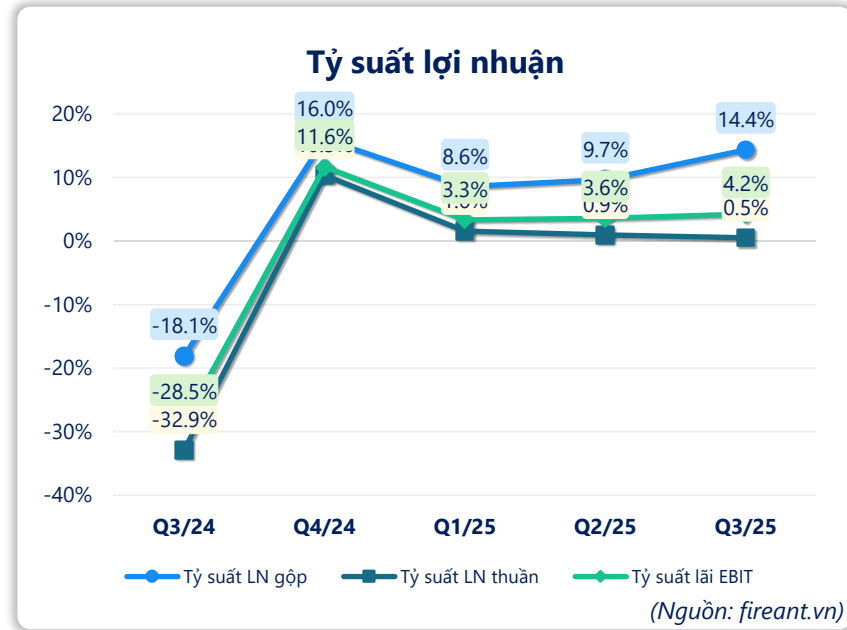
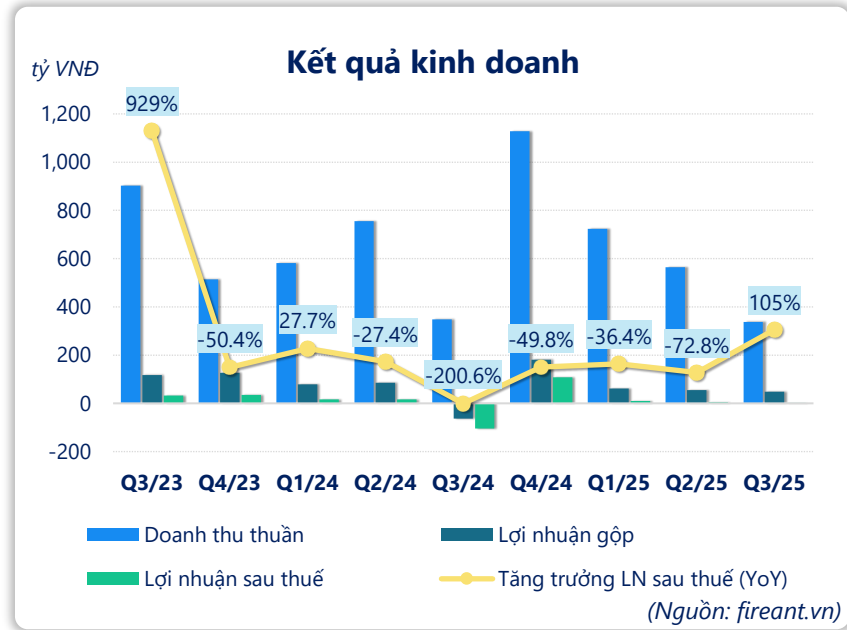


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,406
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,459
SL cổ phiếu LH		36,999,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)		58,220
% sở hữu nước ngoài		3.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		337
P/E		2.7
EPS		3,355

	YTD	1T	3T	6T
NBC	2.9%	-1.1%	-3.3%	-13.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,298	2,570	-10.6%
Tài sản ngắn hạn	944	1,055	-10.5%
Tiền và tương đương tiền	6.04	6.62	-8.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.94	0	
Phải thu ngắn hạn	202	832	-75.7%
Hàng tồn kho	697	182	282%
Tài sản ngắn hạn khác	30.9	33.7	-8.4%
Tài sản dài hạn	1,353	1,515	-10.7%
Phải thu dài hạn	92.0	90.1	2.1%
Tài sản cố định	1,076	1,272	-15.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	91.3	88.2	3.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	93.7	65.0	44.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,793	2,045	-12.3%
Nợ ngắn hạn	1,674	1,899	-11.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	896	928	-3.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	454	487	-6.8%
Nợ dài hạn	118	146	-19.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	118	146	-19.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	505	525	-3.9%
Vốn chủ sở hữu	505	525	-3.9%
Vốn điều lệ	370	370	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.02	0.02	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	348	1,129	723	564	337
Giá vốn hàng bán	410	948	661	510	289
Lợi nhuận gộp	-62.9	181	62.1	54.5	48.4
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	0.01	1.37	0.01
Chi phí TC	14.1	18.7	12.1	14.5	12.0
Chi phí lãi vay	13.3	14.1	11.6	14.5	12.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.23	1.78	1.12	2.62	0.03
Chi phí QLDN	34.1	43.5	37.4	33.4	34.6
LN thuần từ HĐKD	-114	117	11.5	5.29	1.77
Lợi nhuận khác	2.09	0.43	1.08	0.37	0.40
LN trước thuế	-112	117	12.6	5.66	2.18
Lợi nhuận sau thuế	-104	108	10.0	4.51	1.76
LNST của CĐ cty mẹ	-104	108	10.0	4.51	1.76

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	121	108	4.99	81.0	37.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-28.0	-49.5	-0.53	-20.0	-44.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-89.9	-58.8	-5.90	-61.1	7.73
Tiền đầu kỳ	4.28	7.13	6.62	5.19	5.14
Lưu chuyển tiền thuần	2.85	-0.51	-1.44	-0.05	0.90
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.13	6.62	5.19	5.14	6.04

(Nguồn: fireant.vn)